

Số: 902/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về công tác môi trường học tập
của trường Đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định công tác môi trường học tập trong Trường đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ, gồm có 3 chương và 7 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị chức năng, giảng viên và sinh viên căn cứ Quyết định thi hành. / *Nguyễn Thanh Nhã*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QTTB.



Huỳnh Thanh Nhã



QUY ĐỊNH

Về công tác môi trường học tập của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 902/ QĐ-QTTB ngày 31/12/2022T của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này xác định quyền và nghĩa vụ của sinh viên (SV) và nội dung công tác môi trường học tập trong trường đại học: Quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị, công tác vệ sinh và sức khỏe.

Quy chế này áp dụng cho SV, học viên (HV), cán bộ (CB), viên chức (VC) và người lao động (NLĐ) trong toàn Trường.

Điều 2. Mục đích

- Nhằm đảm bảo cho SV, HV, CB, VC, NLĐ đủ điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện môi trường học tập, làm việc, điều kiện về an toàn trong thời gian làm việc, học tập tại Trường;

- Thực hiện tốt công tác sức khỏe cho SV, HV, CB, VC, NLĐ để an tâm học tập và làm việc tại trường;

- Thực hiện Luật bảo vệ Môi trường năm 2020, Luật Giáo dục đại học năm 2018, Thông tư 33 năm 2021 của Bộ Y tế và các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo thành phố về cơ sở vật chất, y tế trường học, vệ sinh môi trường, Pháp lệnh về vệ sinh an toàn thực phẩm, các văn bản về công tác y tế trường học do Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong công tác giáo dục tuyên truyền SV, HV, CB, VC, NLĐ về an toàn giao thông; tác hại rượu, bia; thực hiện tốt Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ;

Chương 2

QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

Điều 3. Yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất

Bảo đảm điều kiện về phòng học, bàn ghế, bảng viết, chiếu sáng, dụng cụ thí nghiệm trong trường học:

3.1. Phòng học

Yên tĩnh cho việc học tập và nghiên cứu, không bị chấn động, nhiễu loạn điện từ khói và hơi độc v.v... ảnh hưởng đến sức khoẻ của cán bộ và sinh viên.

- Diện tích phòng học được bố trí như sau:

Tên giảng đường, lớp học	Diện tích cho 1 chỗ (không được lớn hơn), m ²
1. Giảng đường 500 chỗ	0.9
2. Giảng đường 400 chỗ	1.0
3. Giảng đường 300 - 200 chỗ	1.1
4. Giảng đường 150 chỗ	1.2
5. Giảng đường 100 chỗ	1.3
6. Lớp học 75 - 50 chỗ	1.5
7. Lớp học 25 chỗ	2.2

Trong trường hợp không có hệ thống có điều hoà không khí, khối tích các phòng học cho một học sinh không được ít hơn 4m³.

Số lượng và diện tích các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực tập và sản xuất v.v... đều tính sử dụng luân phiên 2 ca trong một ngày, tính theo ca đồng nhất.

3.2. Bàn ghế

- Kích thước bàn học: Mỗi bàn học cho 02 sinh viên ngồi, kích thước trung bình ngang 0,5m, dài 1,2m và cao 0,78m.

- Kích thước ghế học: Có 2 loại

+ Ghế cao tựa: Cao ghế 0,84m, rộng 0,5m và dài 0,34m.

+ Ghế cao ngồi: Cao ghế 0,45m, rộng 0,4m và dài 0,34m.

Cách kê bàn ghế trong phòng học: Khoảng cách từ bảng viết đến bàn đầu tiên là 2m và từ bảng viết đến bàn cuối là 11m.

Khoảng cách giữa bàn trên và bàn dưới trong cùng một dãy ít nhất là 70cm

Khoảng cách giữa các dãy bàn đối với giảng đường không quá 50 chỗ ít nhất là 60cm

Khoảng cách giữa bàn giáo viên và bảng đen hoặc tường ít nhất là 90cm

Khoảng cách từ bảng đen tới hàng ghế đầu (trong trường hợp không có bàn thao tác) ít nhất là 200cm

Khoảng cách từ màn ảnh tới lưng tựa của hàng ghế đầu ít nhất là 300cm

Chiều rộng của bảng đen đối với giảng đường

- Dưới 100 chỗ ít nhất là 400cm

- Trên 100 chỗ ít nhất là 500cm

Khoảng cách từ bàn thao tác đến bảng đen 100cm

Khoảng cách từ bàn thao tác đến bàn hoặc chỗ viết của hàng đầu tiên trong các giảng đường

- Dưới 100 chỗ 110cm

- Trên 100 chỗ 250cm

Khoảng cách từ bảng đen đến hàng ghế dưới cùng không lớn hơn 2000cm

Khoảng cách từ mép trên của mặt bảng (phần để viết) đến sàn giảng đường không lớn hơn 250cm

Kích thước ghế tựa có chỗ để viết: chiều rộng không nhỏ hơn 0,55m, chiều cao chỗ ngồi không nhỏ hơn 0,40m. Chiều cao mép dưới của mặt bàn viết 0,70m.

Kích thước bàn cho mỗi chỗ ở giảng đường và phòng học không nhỏ hơn chiều rộng 0,50m, chiều dài 0,60m, chiều cao 0,70m. Mỗi bàn nên làm tối thiểu 2 chỗ ngồi.

3.3. Bảng học

- Trường sử dụng bảng chống lão hóa, nền xanh, kích thước: dài 3,2m và rộng 1,2m.

Cách treo bảng: Bảng được treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học 1m.

Bố trí bàn ghế, thiết bị trong các phòng học và phòng thí nghiệm phải bảo đảm chiếu sáng tự nhiên từ bên trái chỗ học, chỗ thí nghiệm của học sinh.

3.4. Chiếu sáng

Chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo trong các phòng của trường đại học theo tiêu chuẩn hiện hành.

3.10. Độ chiếu sáng tự nhiên của các phòng

+ Độ chiếu sáng tự nhiên đầy đủ, đồng đều.

+ Hướng để lấy ánh sáng tự nhiên chủ yếu là hướng Nam (cửa sổ ở phía không có hành lang) về phía tay trái cầu sinh viên khi ngồi viết.

+ Tổng số diện tích các cửa được chiếu sáng trung bình khoảng 1/6 phòng học.

+ Các cửa sổ được thiết kế có cửa chớp dùng để che nắng, cản mưa và gió lùa.

Độ chiếu sáng nhân tạo

+ Để hỗ trợ khi phòng học thiếu ánh sáng tự nhiên, bố trí thêm 12 bóng đèn cho mỗi phòng học, mỗi bóng có công suất từ 15W đến 20W treo đều ở 6 góc. Các bóng đèn được treo ở độ cao cách bàn học 2,8m.

+ Trần của phòng học được sơn bằng màu trắng, tường quét vôi màu xám nhạt.

3.5. Thông gió thoáng khí

- Phòng học được thông gió tự nhiên, đảm bảo mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

- Phòng học có hệ thống gió nhân tạo gồm 8 quạt trần thông gió treo cao trên mức nguồn sáng đảm bảo tỷ lệ khí CO₂ trong phòng không quá 0,1%.

3.6. Phòng thực hành, thí nghiệm

Đối với những phòng thí nghiệm có các yêu cầu đặc biệt về môi trường học tập phải có các thiết bị bổ sung (tủ hút hơi độc, tủ đựng quần áo đặc biệt, ống thoát hơi độc, thoát nước, chậu rửa, bồn tắm v. v...)

Phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo các yêu cầu như sau:

- Có bảng nội quy phòng thí nghiệm được viết rõ ràng, cụ thể, đầy đủ và được treo ở nơi dễ đọc.

- Các đường dẫn điện, khí đốt, các ổ cắm điện luôn đảm bảo an toàn cho sinh viên khi làm thí nghiệm.

- Diện tích trung bình từ 1,5m đến 2m cho một sinh viên.

- Dụng cụ thực hành phải ghi rõ kích thước, các thông số kỹ thuật phải phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

- Có phương tiện bảo hộ và có nội quy an toàn lao động, vận hành.

Trong trường hợp đặt thiết bị trên bàn, lối đi trong phòng thí nghiệm không được nhỏ hơn:

Giữa các dãy bàn là 70cm;

- Giữa bàn và tòng là 50cm;

- Giữa bàn trên và bàn dưới khi làm việc một hàng là 80cm;

- Giữa bàn trên và bàn dưới khi làm việc 2 hàng là 160cm

3.7. An toàn cho người học

Cơ sở vật chất bảo đảm an toàn cho hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục khác. Phòng Quản trị - thiết bị và các đơn vị có liên quan phải thường xuyên rà soát đảm bảo các điều kiện về phòng học, phòng chức năng, bàn ghế, bảng viết, hệ thống chiếu sáng, đồ chơi và thiết bị dạy học theo đúng tiêu chuẩn được quy định... Giao phòng Công tác chính trị và Quản lý Sinh viên và Đội phòng cháy chữa cháy hàng năm lập kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, nội vụ trường học; phòng chống tệ nạn xã hội; an toàn, phòng chống cháy nổ;... phòng chống bệnh, tật học đường; an toàn vệ sinh thực phẩm, nước uống; không để xảy ra ngộ độc, mất an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Các công trình xây dựng được đầu tư lối đi riêng cho người khuyết tật để tạo sự an toàn.

3.2. Bảo đảm điều kiện về không gian, cây xanh sân bãi, nhà xe

Không gian kiến trúc cảnh quan trong trường phải thoáng mát, sạch sẽ và là môi trường hoạt động, sinh hoạt ngoài trời, kết nối giảng dạy lý thuyết với hoạt động thực hành.

Trong khuôn viên có hệ thống cây xanh, cây bóng mát, thảm cỏ, bồn hoa, cây cảnh hài hòa và phù hợp với quy hoạch của nhà trường. Trong đó, diện tích trồng cây xanh, sân chơi, sân tập thể thao, giao thông nội bộ phải đảm bảo theo quy định. Hệ thống cây xanh, cây bóng mát, thảm cỏ, bồn hoa, cây cảnh phải thường xuyên tưới nước, chăm sóc và cắt tỉa.

Trong khuôn viên Trường học sạch là toàn bộ khuôn viên của nhà trường (gồm cả khu vực cổng trường, bên ngoài tường rào cùng phía với cổng trường), các khối công trình phục vụ dạy học, làm việc, sinh hoạt của SV, HV, CB, VC, NLD phải đảm bảo luôn sạch sẽ, thông thoáng.

3.3. Nhà để xe

- Nhà để xe phải đảm bảo đủ chỗ để xe cho số lượng xe của 30% đến 60% tổ số sinh viên và từ 60% đến 90% tổng số giảng viên, cán bộ, nhân viên

- Tiêu chuẩn diện tích: 0.9m²/xe đạp; 2.5m²/xe máy; 25m²/ô tô;

- Bố trí khu vực để xe cho sinh viên gần lối vào

Điều 5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm

5.1. Vệ sinh môi trường

Hàng năm phòng Quản trị - Thiết bị, phòng Tài chính Kế toán tổ chức chọn thầu dịch vụ vệ sinh và thu gom và xử lý chất thải toàn trường, việc quét dọn phòng học, phòng làm việc, trong khuôn viên trường và ngoài vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ và vỉa hè đường Võ Trường Toản và lấy rác phải thực hiện hàng ngày trước các buổi học. Trong khuôn viên trường có nơi tập kết rác thải, có thùng đựng rác (loại phù hợp để phân loại rác) được đặt ở vị trí hợp lý, đảm bảo mỹ quan, có nắp đậy và thực hiện thu gom rác và xử lý hàng ngày.

Hệ thống cống rãnh được khai thông dùng để thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, phòng y tế, nhà bếp, khu vệ sinh.

- Thùng chứa rác có nắp đậy và thực hiện thu gom rác và xử lý hàng ngày.

5.2. Công trình vệ sinh

Khu vệ sinh cán bộ, giảng viên, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí phù hợp, đảm bảo an toàn, thuận tiện đáp ứng được nhu cầu thực tế. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm số lượng thiết bị 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí, có nhân viên làm vệ sinh sạch sẽ hàng ngày, không gây ô nhiễm

môi trường và có nhân viên y tế trường thường xuyên kiểm tra.

Khu vệ sinh sinh viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí phù hợp, không làm ảnh hưởng đến môi trường. Bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm số lượng thiết bị 01 chậu tiểu nam, 01 chậu xí và 01 chậu rửa tay cho 30 sinh viên có tường vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 sinh viên.

5.3. Bảo đảm nước uống, nước sinh hoạt

- Trường học cung cấp đủ nước uống cho người học, tối thiểu 0,5 lít về mùa hè, 0,3 lít về mùa đông cho một sinh viên trong một buổi học;

- Trường học cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người học, tối thiểu 4 lít cho một người trong một buổi học; nếu dùng hệ thống cấp nước bằng đường ống thì mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 sinh viên trong một buổi học; định kỳ thay lõi lọc nước mỗi năm 2 lần để đảm bảo vệ sinh.

- Hệ thống cấp nước: sử dụng nguồn nước sạch của công ty cấp thoát nước thành phố Cần Thơ, chi nhánh quận Ninh Kiều để chế biến thực phẩm và sử dụng; có trang bị máy nước tiệt khuẩn. Đảm bảo đủ nước sinh hoạt, nước uống cho sinh viên và CBVC của Trường.

5.4. Các điều kiện về an toàn thực phẩm

- Bếp ăn dành cho giảng viên có diện tích 175m² được bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất về an toàn vệ sinh thực phẩm. Nhân viên nhà bếp được tập huấn đầy đủ về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Căn tin phục vụ sinh viên có diện tích 96m. Nhân viên chế biến có chứng chỉ về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thực hiện sơ chế, chế biến theo nguyên tắc một chiều. Nhân viên trực tiếp chế biến thực hiện đúng theo quy định: khám sức khỏe định kỳ, không mắc các bệnh truyền nhiễm, trang phục gọn gàng và có đầy đủ bảo hộ lao động.

- Phối hợp với Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm quận, thành phố kiểm tra định kỳ theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị Nhà trường

- Phòng Quản trị - Thiết bị có trách nhiệm phối hợp các đơn vị, cá nhân có liên quan lập kế hoạch hàng năm triển khai, kiểm tra, giám sát tổng hợp báo cáo thực hiện quy định này.

- Các tổ chức Đoàn thể, Hội cùng phối hợp tốt công tác môi trường học tập trong trường đại học.

Đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình xuất sắc trong thực hiện công tác môi trường học tập trong trường đại học.

Điều 7. Điều khoản thi hành

- Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan đến đào tạo và quản lý đào tạo đối với SV, HV, CB, VC, NLĐ tại Trường.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, tham mưu trực tiếp Ban Giám hiệu xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

